

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỖ VĂN DẬY

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỖ VĂN DẬY

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	Nguyễn Thị Phương Thảo	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2.	Đỗ Thị Phụng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3.	Nguyễn Duy Quang	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
4.	La Thị Thu Tâm	Chủ Tịch Công Đoàn, Thư ký Hội đồng	Ủy viên hội đồng	
5.	Võ Thành Nhân	Bí thư Chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
6.	Nguyễn Thị Thu Ngân	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên hội đồng	
7.	Lê Thụy Hồng Yến	Tổ trưởng tổ Lịch sử - Địa Lý- Giáo dục công dân	Ủy viên hội đồng	
8.	Lê Thị Kim Hà	Tổ trưởng tổ Vật lí - Hóa học	Ủy viên hội đồng	
9.	Đào Thị Liên	Tổ trưởng tổ Toán	Ủy viên hội đồng	
10.	Vũ Thị Thanh Duyên	Tổ trưởng tổ Công nghệ	Ủy viên hội đồng	
11.	Hoàng Thị Ngọc Diệp	Tổ trưởng tổ Tiếng Anh	Ủy viên	

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
			hội đồng	
12.	Dương Thị Lành	Tổ trưởng tổ Ngữ Văn	Ủy viên hội đồng	
13.	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Tổ trưởng tổ Sinh học	Ủy viên hội đồng	
14.	Phạm Thị Hoài Thu	Tổ trưởng tổ Tin học	Ủy viên hội đồng	
15.	Hà Văn Ngân	Tổ trưởng tổ Thể dục	Ủy viên hội đồng	
16.	Lữ Văn Hùng	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Ủy viên hội đồng	
17.	Huỳnh Thị Thảo Nguyên	Nhân viên Học vụ	Ủy viên hội đồng	
18.	Nguyễn Thị Kiều Chinh	Nhân viên Văn thư	Ủy viên hội đồng	
19.	Nguyễn Thanh Tiến	Công Nghệ Thông Tin	Ủy viên hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	15
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	17
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	21
Tiêu chí 1.5: Lớp học	24
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	25
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	28
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	30
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	31
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	33
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	35
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	35
Mở đầu	36
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	36
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	38
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	41
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	42

NỘI DUNG	Trang
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	45
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	45
Mở đầu	45
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	46
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập	47
Tiêu chí 3.3: Khôi hành chính - quản trị	49
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	51
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	53
Tiêu chí 3.6: Thư viện	55
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	57
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	57
Mở đầu	57
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	58
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	60
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	63
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	63
Mở đầu	63
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	64
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	67
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	69
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	70
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	72
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	75
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	80
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	80
Phần IV. PHỤ LỤC	82

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x		
Tiêu chí 1.2		x		
Tiêu chí 1.3		x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x		
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x		
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x		

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chí 3.4		x		
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	
Tiêu chí 5.6		x	x	

Kết quả: đạt Mức 1.

2. Kết luận: trường đạt Mức 1.

Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Đỗ Văn Dậy.

Tên trước đây: Trường Phổ thông cơ sở Đỗ Văn Dậy.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh	Họ và tên Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Phương Thảo
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Hóc Môn	Điện thoại	38914311
Xã/phường/thị trấn	Tân Hiệp	FAX	Không
Đạt chuẩn quốc gia	Không	Website	Thcsdovanday.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1994	Số điểm trường	01
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp

Số lớp	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Khối lớp 6	9	11	11	11	11
Khối lớp 7	8	9	11	10	10
Khối lớp 8	7	8	8	10	9
Khối lớp 9	9	6	7	8	9
Tổng cộng	33	34	37	39	39

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	46	46	46	55	55	
1	Phòng học	36	36	36	44	44	
a	Phòng kiên cố	36	36	36	44	44	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	9	9	9	10	10	
a	Phòng kiên cố	9	9	9	10	10	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	1	1	1	1	1	
a	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành	8	8	8	8	8	

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
	chính - quản trị						
1	Phòng kiên cố	8	8	8	8	8	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	6	6	6	6	6	
	Cộng	61	61	61	70	70	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 02 năm 2021.

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	1	0	0	1	0	
Phó Hiệu trưởng	02	1	0	0	2	0	
Giáo viên	55	46	2	0	54	1	
Nhân viên	18	10	0	0	18	0	
Cộng	76	58	2	0	75	1	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Tổng số giáo viên	57	55	55	52	53
Tỷ lệ giáo viên/lớp	57/33=1,72	55/34=1,61	55/37=1,48	52/39=1,33	53/39=1,35
Tỷ lệ giáo viên/học sinh	57/1420=0, 04	55/1439=0, 03	55/1492=0, 03	52/1623=0, 03	53/1689=0, 03
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	00	4	00	5	00
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Học sinh:

a) Số liệu chung:

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1353	1369	1492	1623	1689	
	- Nữ	659	692	768	852	877	
	- Dân tộc thiểu số	36	26	24	29	36	
	- Khối lớp 6	395	475	448	488	481	
	- Khối lớp 7	321	364	443	422	443	
	- Khối lớp 8	283	298	342	424	390	
	- Khối lớp 9	354	232	259	289	375	
2	Tổng số tuyển mới	498	473	451	491	479	
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	41	41	41	41	43	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	100%	100%	
	- Nữ	659	692	678	852	877	

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
	- Dân tộc thiểu số	1,4	1,6	1,4	1,6	1,6	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	22/06	20/07	39/02	12/09	09/00	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	42	77	29	43	17	
	- Nữ						
	- Dân tộc thiểu số						
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	7	5	
12	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục:

Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	29,79%	27,76%	30,09%	29,14%	38,72%
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	39,47%	38,28%	41,29%	40,3%	41,62%
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	6,5%	6,8%	4,83%	5,61%	2,48%
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	76,9%	78,8%	83,1%	84,5%	90,5%
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	20,1%	19,0%	15,6%	13,7%	8,9%
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm Trung bình	3,0%	2,2%	1,3%	1,8%	0,6%

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Trung học cơ sở Đỗ Văn Dậy được thành lập theo Quyết định số 24/QĐ-UB ngày 14 tháng 4 năm 1994 của Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn tại địa chỉ số 8, đường Huỳnh Thị Mai, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường được chuyển đến cơ sở mới và được đưa vào sử dụng từ năm học 2016 – 2020 với diện tích 10.406 m², được thiết kế xây dựng gồm 03 khu, tổng cộng 45 phòng học và có đủ các phòng như: phòng truyền thống, phòng Công đoàn, phòng Đoàn Đội, phòng làm việc của cán bộ quản lý, phòng thư viện, phòng y tế, phòng giáo viên... một nhà thi đấu đa năng. Cảnh quan môi trường cũng đã được đầu tư đúng mức tạo nên môi trường xanh – sạch – đẹp. Năm học 2020 - 2021, nhà trường có 41 lớp, sĩ số học sinh là 1827 học sinh, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường hiện có là 77 người.

Ngoài ra để phục vụ giảng dạy cho bộ môn Tin học, trường có 03 phòng máy vi tính với tổng số máy là 146, có nối mạng internet. Việc xã hội hóa giáo dục nhà trường thực hiện chưa hiệu quả nhưng việc bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học luôn là nội dung được quan tâm hàng đầu. Năm học 2020-2021, trường đã trang bị thêm 2 phòng có bảng tương tác và máy chiếu cố định để phục vụ cho việc đổi mới phương pháp trong giảng dạy.

Căn cứ Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, nhà trường đã xác định rõ mục tiêu và ý nghĩa của việc tự đánh giá, qua công tác tự đánh giá, nhà trường thấy được thực trạng, điểm mạnh, điểm yếu, xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để từ đó từng bước phấn đấu,

có biện pháp cải tiến chất lượng nâng cao hiệu quả giáo dục về mọi mặt.

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn; sự đồng thuận, chung tay góp sức của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là sự đổi mới trong công tác quản lý, trong những năm gần đây Trường Trung học cơ sở Đỗ Văn Dậy có nhiều chuyển biến tích cực, nhiều năm liền trường luôn đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá chất lượng giáo dục nhằm mục đích tự xem xét, tự chỉ ra những mặt mạnh, mặt tích cực trong việc quản lý và tổ chức nhà trường đạt mức đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; nhằm lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của trường; đề ra những biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần thực hiện mục tiêu chung và chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

3.1. Quá trình tự đánh giá

Nhà trường tiến hành công tác tự đánh giá từ tháng 11 năm 2020 và hoàn thành vào cuối tháng 3 năm 2021. Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 19 thành viên, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người; ngoài ra Hội đồng cũng đã huy động sự tham gia của toàn thể cán bộ - giáo viên - nhân viên, Ban đại diện cha mẹ học sinh và sự hỗ trợ của Đảng ủy, Ủy ban Nhân dân, các ban ngành đoàn thể xã Tân Hiệp. Tuy nhiên lực lượng nòng cốt vẫn là các thành viên của Hội đồng tự đánh giá. Nhận thức đúng đắn về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác tự đánh giá nên các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá đã tập trung làm việc để hoàn thành tốt nhiệm vụ theo đúng qui định và đúng tiến độ thời gian.

Để công tác tự đánh giá được tiến hành thuận lợi và có hiệu quả, Hội đồng tự đánh giá đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá của nhà trường, xác định rõ nguồn

nhân lực, cơ sở vật chất, nguồn tài chính cần huy động, nội dung công việc, thời gian tiến hành từng công việc và hoàn thành quá trình tự đánh giá. Nhờ đó, tất cả các hoạt động diễn ra khoa học, thuận lợi, đúng dự kiến và đạt hiệu quả cao.

Quá trình tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng qui trình đã được qui định như sau:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá (19/11/2020)
2. Lập kế hoạch tự đánh giá (19/11/2020).
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng (20/11/2020 -31/01/2021).
4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí (01/01/2021-20/01/2021).
5. Viết báo cáo tự đánh giá (21/01/2021- 01/02/2021).
6. Công bố báo cáo tự đánh giá (đầu tháng 02/2021).
7. Gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo: 06/2/2021.

3.2. Vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá

Báo cáo tự đánh giá của nhà trường đã trình bày đầy đủ 05 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí và chỉ báo của Mức 1, 2, 3 theo qui định. Mỗi tiêu chí được mô tả hiện trạng rõ ràng, các điểm mạnh, điểm yếu được trình bày theo đúng với thực tế, kế hoạch cải tiến chất lượng với những biện pháp cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện của trường.

Trên cơ sở tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường với những điểm mạnh và điểm yếu. Báo cáo tự đánh giá này sẽ được sử dụng như một công cụ để cải tiến và nâng cao Quản lý chất lượng giáo dục của nhà trường trong những năm học tiếp theo.

B.TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.

Mở đầu:

Trường Trung học cơ sở Đỗ Văn Dậy có cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở. Trường thành lập đầy đủ các hội

đồng như: Hội đồng trường, Hội đồng tư vấn, Hội đồng Thi đua khen thưởng, Hội đồng khoa học. Các hội đồng có đủ cơ cấu, thực hiện đúng chức năng và quyền hạn theo quy định. Các đoàn thể trong nhà trường gồm: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động hiệu quả, phát huy tốt vai trò và chức năng của mình.

Trường có 41 lớp, trong đó có 500 học sinh bán trú và các lớp đều học 2 buổi/ ngày. Mỗi khối lớp đều được bố trí giáo viên chủ nhiệm hợp lý, có đủ giáo viên dạy bộ môn. Số học sinh trung bình mỗi lớp là 44,6 em và có ban cán sự lớp.

Các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng hoạt động nề nếp, đáp ứng tốt việc thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị

đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2016- 2020 dựa trên Luật Giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Tân Hiệp theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường về nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất giai đoạn 2016 – 2020 [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

b) Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2016 - 2020 được thể hiện trong văn bản “Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường” và được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2016 - 2020 được công bố bằng hình thức niêm yết công khai tại bảng tin trường, công khai trong cuộc họp hội đồng sư phạm [H1-1.1-03].

d) Biên bản họp Hội đồng trường [H1-1.1-04].

e) Kế hoạch năm học [H1-1.1-05].

Mức 2:

Nhà trường chưa có các giải pháp cụ thể để giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường.

Mức 3:

Nhà trường chưa định kỳ thực hiện lấy ý kiến Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng nhằm bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường so với tình hình thực tế.

2. Điểm mạnh

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền và được công bố công khai.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có giải pháp thiết thực nhằm rà soát, điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển của nhà trường. Chiến lược phát triển nhà trường chưa định kỳ thực hiện lấy ý kiến Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 – 2022, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung nội dung trong Chiến lược phát triển; đồng thời định kỳ lấy ý kiến của toàn đơn vị để bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường phù hợp với tình hình thực tế.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường được thành lập theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học, Hội đồng trường có 13 thành viên [H1-1.2-01]. Nhà trường còn thành lập Hội đồng tuyển sinh [H1-1.2-02], Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở [H1-1.2-03] do uỷ ban Nhân dân huyện Hóc Môn ra quyết định hằng năm. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-04], Hội đồng coi và chấm kiểm tra học kỳ [H1-1.2-05], Hội đồng coi và chấm kiểm tra lại hằng năm [H1-1.2-06].

b) Các hội đồng trong nhà trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quyết định thành lập: quyết nghị chiến lược, kế hoạch và phương hướng phát triển nhà trường; qui chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; giám sát thực hiện quyết nghị của Hội đồng trường, việc thực hiện qui chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-07].

c) Hoạt động của các Hội đồng trong nhà trường thường xuyên được rà soát đánh giá định kì hàng quý theo đúng quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở nhằm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của trường, từ đó đề xuất biện pháp khắc phục đối với những hạn chế, thiếu sót [H1-1.2-07]; [H1-1.2-08].

Mức 2:

Trong những năm học qua, Hội đồng trường và các hội đồng khác của nhà trường hoạt động hiệu quả; tất cả nội dung đều được đưa ra hội đồng thảo luận, bàn bạc và thống nhất thông qua một cách công khai, minh bạch, đảm bảo quy chế dân chủ nên đã góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường [H1-1.2-08]; [H1-1.2-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các Hội đồng theo qui định.

Hằng năm, nhà trường có đánh giá, rà soát hoạt động của các hội đồng, nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

3. Điểm yếu

Hội đồng trường hoạt động hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, xây dựng lực lượng cốt cán mạnh dạn đóng góp nhiều sáng kiến xây dựng nhà trường.

Hiệu trưởng tiếp tục phát huy vai trò, chức năng của các hội đồng trong hoạt động giám sát, xây dựng nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường có Ban Chấp hành Công đoàn hành gồm 05 đồng chí, có cơ cấu tổ chức theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam [H1-1.3-01]. Ban Chấp hành Chi đoàn trường gồm 03 đồng chí, có cơ cấu tổ chức theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.3-02]. Liên đội trường có cơ cấu tổ chức theo Điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H1-1.3-03]. Chi hội Khuyến học Trường Trung học cơ sở Đỗ Văn Dậy trực thuộc Hội Khuyến học xã Tân

Hiệp, huyện Hóc Môn [H1-1.3-04]. Hội Chữ thập đỏ trường nhiệm kỳ 2015 - 2020 trực thuộc Hội Chữ thập đỏ huyện Hóc Môn [H1-1.3-05].

b) Công đoàn trường hoạt động theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam, trong khuôn khổ của Hiến pháp và Pháp luật, theo quy định của Luật Công đoàn, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ và công khai của nhà trường, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng và hợp pháp của công đoàn viên; động viên, khuyến khích công đoàn viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tổ chức sinh hoạt định kỳ hàng tháng [H1-1.3-01]. Chi đoàn hoạt động theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trong khuôn khổ của Hiến pháp và Pháp luật, có xây dựng kế hoạch hoạt động năm, kế hoạch hoạt động tháng; tổ chức sinh hoạt định kỳ hàng tháng theo quy định, tổ chức Đại hội Chi đoàn theo hướng dẫn của Đoàn xã Tân Hiệp và huyện đoàn Hóc Môn; các hoạt động của chi đoàn góp phần tích cực trong các hoạt động của nhà trường [H1-1.3-02]. Liên đội hoạt động theo Điều lệ Đội và quy định của Pháp luật; có xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch tháng; tổ chức các hoạt động phong trào góp phần giúp học sinh phát triển toàn diện [H1-1.3-03].

c) Hàng năm, các hoạt động của các tổ chức và đoàn thể trong nhà trường đều được rà soát, đánh giá và được thể hiện trong kết quả thi đua cuối năm của nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 2:

a) Chi bộ Trường Trung học cơ sở Đỗ Văn Dậy trực thuộc Đảng bộ Xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, có 22 đảng viên, trong đó cấp ủy chi bộ gồm 03 đồng chí (01 bí thư, 01 phó bí thư, 01 chi ủy viên) lãnh đạo nhà trường [H1-1.3-06]. Chi bộ hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và trong khuôn khổ của Hiến pháp và Pháp luật [H1-1.3-06]. Hàng năm, thực hiện hướng dẫn của Đảng ủy Xã Tân Hiệp, chi bộ tổ chức đánh giá phân loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, kết quả từ năm 2015 đến nay, chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-06].

b) Công đoàn trường tổ chức cho công đoàn viên tham gia đầy đủ các hoạt động do Công đoàn cấp trên phát động, tổ chức [H1-1.3-01]. Chi đoàn và Liên

đội trường đã tổ chức nhiều hoạt động cho giáo viên, học sinh tham gia như: ngày hội An toàn giao thông, Ngày chủ nhật xanh [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-07].

Mức 3:

a) Từ năm 2015 đến năm 2020, Chi bộ Trường Trung học cơ sở Đỗ Văn Dậy được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-06].

b) Từ năm học 2015 - 2016 đến nay, Công đoàn, Chi đoàn và Liên đội đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường nhưng chưa có tính lan tỏa ra cộng đồng [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của chi bộ và các đoàn thể trong nhà trường đầy đủ, hoạt động hiệu quả, đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác chưa có đóng góp hiệu quả cho cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 02 năm 2021, Cấp ủy Chi bộ nhà trường chỉ đạo, hướng dẫn, định hướng Chi đoàn giáo viên tổ chức những hoạt động phù hợp với tình hình thực tế nhà trường. Ban Chấp hành Chi đoàn phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với năng lực, điều kiện, hoàn cảnh cá nhân trong các hoạt động có liên quan để các thành viên tham gia sinh hoạt và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Cán bộ quản lý quan tâm sắp xếp thời gian phù hợp, tạo điều kiện về kinh phí tổ chức hoạt động cho giáo viên, nhân viên có năng lực, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động, phong trào của nhà trường và cộng đồng.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Đỗ Văn Dậy là trường có trên 28 lớp, có hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT [H1-1.4-01].

b) Trường có 10 tổ chuyên môn (Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý -GDCD, Vật lí - Hóa học, Tiếng Anh, Toán học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Thể dục, Âm nhạc và Mỹ thuật), mỗi tổ chuyên môn có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó (đối với tổ có 07 thành viên trở lên) do hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu của tổ chuyên môn và giao nhiệm vụ vào đầu năm học [H1-1.4-02]. Trường có 01 tổ văn phòng, có 1 tổ trưởng, do hiệu trưởng bổ nhiệm và giao nhiệm vụ; có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 16, Điều 17 - Điều lệ trường trung học [H1-1.4-02].

c) Hàng năm, tổ chuyên môn và tổ văn phòng có xây dựng kế hoạch hoạt động, hướng dẫn tổ viên xây dựng hoạt động cá nhân theo chuẩn kiến thức kỹ năng và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường [H1-1.4-03]; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ qua tiết thao giảng và báo cáo chuyên đề, tự học bồi dưỡng thường xuyên; tham gia đánh giá, xếp loại theo quy định chuẩn nghề

nghiệp giáo viên, họp xét thi đua mỗi học kì; hàng tháng có báo cáo cho hiệu trưởng [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

Mức 2:

a) Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hàng năm, trường tổ chức chuyên đề cấp huyện theo phân công của Phòng Giáo dục và Đào tạo, mỗi tổ đều có một chuyên đề, một tiết thao giảng cấp trường với nội dung trọng tâm về việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh nâng cao chất lượng giảng dạy và hiệu quả giáo dục như: Chuyên đề : “Thực hiện ra vườn với bác nông dân” (Ứng dụng diện tích đa giác toán học) [H1-1.4-03].

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức họp ít nhất 02 tuần/01 lần để rà soát và đánh giá các hoạt động của tổ cũng như điều chỉnh giải pháp thực hiện kế hoạch của tổ [H1-1.4-04].

Mức 3:

a) Hoạt động tổ chuyên môn và tổ văn phòng là một trong các nhân tố đóng góp trong việc cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục và chất lượng hoạt động của nhà trường qua từng năm học[H1-1.4-05].

b) Tổ chuyên môn thực hiện các báo cáo chuyên đề chuyên môn nhưng chưa vận dụng được vào bài dạy hiệu quả, chưa có tính lan tỏa và chưa áp dụng rộng rãi [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có cơ cấu tổ chức, biên chế các tổ phù hợp với quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở và các quy định khác.

3. Điểm yếu

Chuyên đề của các tổ chuyên môn chưa phát huy hết hiệu quả, chưa có tính lan tỏa và chưa được áp dụng rộng rãi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 02 năm 2021, Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cho Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn theo dõi các hoạt động của tổ chuyên môn tập trung trao đổi về phương pháp giảng dạy theo hướng nghiên cứu bài học, thực

hiện các chuyên đề gắn liền với thực tiễn của đơn vị, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2020 – 2021, Trường THCS Đỗ Văn Dậy có 41 lớp với 1827 học sinh, có đầy đủ 04 khối lớp, từ khối lớp 6 đến khối lớp 9 theo quy định [H1-1.5-01].

b) Mỗi lớp học đều có Ban cán sự lớp gồm lớp trưởng và lớp phó [H1-1.5-02]. Lớp được chia thành bốn tổ, mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó do học sinh trong lớp bầu ra [H1-1.5-02]. Mỗi lớp phân công 01 giáo viên chủ nhiệm quản lý, xây dựng nề nếp, thực hiện nội quy nhà trường và theo dõi tình hình học tập của học sinh [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

c) Lớp học hoạt động trên nguyên tắc tự quản, dân chủ; lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng do học sinh trong lớp bầu dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm [H1-1.5-04].

Mức 2:

Năm học 2020- 2021, trường có 41 lớp với 1827 học sinh, sĩ số bình quân 44,6 học sinh/lớp, lớp có sĩ số đông nhất là 49 học sinh [H1-1.5-01].

Mức 3:

Trường có 41 lớp. Mỗi lớp vượt quá 40 học sinh, chưa đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9. Mỗi lớp học có 01 giáo viên chủ nhiệm và ban cán sự lớp theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học, hoạt động trên nguyên tắc tự quản, dân chủ. Mỗi lớp bố trí một phòng học cố định.

3. Điểm yếu

Số lượng lớp của nhà trường cao hơn số lượng quy định.

Sĩ số học sinh trung bình/lớp vượt quá số lượng theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 02 năm 2021, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn về việc phân tuyến tuyển sinh lớp 6 nhằm giảm số lớp và giảm sĩ số học sinh trong một lớp theo đúng quy định.

Cuối mỗi năm học, giáo viên chủ nhiệm các lớp tiếp tục thống kê số lượng, chất lượng học sinh để cán bộ quản lý nhà trường sắp xếp lớp học nhằm đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp yêu cầu khi tổ chức hoạt động.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện hệ thống hồ sơ sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục theo quy định tại Điều 27, Điều lệ trường trung học, được lưu trữ theo quy định tại các bộ phận như: Sổ đăng bộ, sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến, sổ quản lý cấp phát bằng, sổ ghi đầu bài [H1-1.6-02], sổ gọi tên ghi điểm, học bạ học sinh, sổ quản lý và lưu trữ các văn bản, công văn đi, công văn đến [H1-1.6-01]; hồ sơ thi đua khen thưởng, hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên [H1-1.4-06]; sổ quản lý tài sản thiết bị giáo dục [H1-1.6-03]; sổ quản lý tài chính [H1-1.6-04]; hồ sơ quản lý thư viện [H1-1.6-05]; hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh [H1-1.6-06]; hồ sơ tổ chuyên môn (kế hoạch hoạt động chuyên môn) [H1-1.4-03]; hồ sơ giáo viên: giáo án; kế hoạch giảng dạy; sổ dự giờ; sổ điểm cá nhân [H1-1.6-07]; sổ chủ nhiệm lớp được cập nhật và lưu trữ đầy đủ, khoa học [H1-1.5-02].

b) Hàng năm, bộ phận kế toán lập dự toán năm gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện trong quý 4 [H1-1.6-04]; thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng biểu mẫu, đúng thời gian, đúng quy định [H1-1.6-08]. Hàng tháng, trong buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường công khai tài chính để cán bộ, giáo viên, nhân viên biết và tham gia giám sát, kiểm tra, đồng thời niêm yết công khai tại phòng hội đồng giáo viên; công tác tự kiểm tra tài chính được tiến hành định kỳ đúng quy định [H1-1.6-08]. Hiệu trưởng

có kiểm tra từng bộ phận theo kế hoạch kiểm tra nội bộ [H1-1.6-09]. Có Quy chế chi tiêu nội bộ xây dựng chi tiết cụ thể, được các tổ thảo luận và góp ý phù hợp với điều kiện và quy định từng năm, quy chế có hiệu lực sau khi đã thống nhất trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức đầu năm học [H1-1.6-10].

c) Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản theo Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017, đúng quy chế, đúng mục đích đạt hiệu quả, đảm bảo các hoạt động giảng dạy của giáo viên và hoạt động học tập của học sinh, đồng thời góp phần ổn định tăng thu nhập cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-08].

Mức 2:

a) Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điểm học sinh (thông qua sổ điểm điện tử, tin nhắn điện tử, thông tin đến phụ huynh hàng ngày), sử dụng phần mềm quản lý tài chính, tài sản [H1-1.6-11].

b) Từ năm 2015 đến nay, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm tra [H1-1.6-08].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch tạo nguồn tài chính từ công tác xã hội hóa giáo dục để phát triển nhà trường, kinh phí của nhà trường chủ yếu từ ngân sách nhà nước, nguồn thu học phí [H1-1.6-08].

2. Điểm mạnh

Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản đúng quy chế, đúng mục đích đạt hiệu quả, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo kết luận của bộ phận thanh tra, kiểm tra.

Có quy chế chi tiêu nội bộ xây dựng chi tiết rõ ràng, được thảo luận và điều chỉnh trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức đầu năm học.

3. Điểm yếu

Chưa có kế hoạch tạo nguồn tài chính từ công tác xã hội hóa giáo dục để phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 02 năm 2021, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực tài chính để phát triển nhà trường từ công tác xã hội hóa. Ban Chấp hành Công đoàn và Ban Thanh tra Nhân dân tiếp tục tích cực kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu mỗi năm học, nhà trường có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.7-01]. Đề cử giáo viên tham gia các lớp: bồi dưỡng hiệu trưởng, bồi dưỡng tổ trưởng chuyên môn, bồi dưỡng giáo viên chủ nhiệm, bồi dưỡng nhận thức kết nạp đảng, bồi dưỡng phương pháp giảng dạy theo hướng giáo dục STEM, trung cấp lý luận chính trị [H1-1.7-02].

b) Nhà trường thực hiện tốt việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên thực hiện công khai trong buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường đầu năm; nguyên tắc phân công phù hợp trình độ đào tạo, đủ định mức dựa trên cơ sở năng lực, nhờ vậy nhận được sự đồng tình cao của hội đồng sư phạm và đảm bảo được các hoạt động của nhà trường [H1-1.7-03].

c) Cán bộ, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo Luật Viên chức, Luật Lao động, được hưởng lương và các chế độ đúng theo mã ngạch và bậc của từng người trong bảng lương như: lương, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp ưu đãi, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, các chế độ khác theo quy chế chi tiêu nội bộ và nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm, hỗ trợ phí đào tạo bồi dưỡng chuyên môn hàng năm [H1-1.7-04].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện phân công cho từng thành viên theo đúng trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm phát huy năng lực góp phần xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

Nhà trường tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên, nhân viên phát huy đúng năng lực chuyên môn, giao việc đúng với khả năng và sở trường; mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu giảng dạy của giáo viên, góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng giáo dục của nhà trường; các bộ phận được đánh giá xếp loại Tốt, chất lượng giáo dục của nhà trường đạt chỉ tiêu đề ra [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Lãnh đạo nhà trường thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên; thực hiện phân công phân nhiệm hợp lý, tạo điều kiện học tập cho cán bộ - giáo viên - nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo các quyền theo đúng quy định.

3. Điểm yếu

Còn giáo viên lớn tuổi chưa tích cực trong việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2021- 2022, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các phó hiệu trưởng và các tổ trưởng tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các hoạt động tổ, nhằm phát huy hiệu quả các chuyên đề từ đó nâng cao chất lượng giáo dục toàn trường.

Từng bước từ năm 2021- 2022 Hiệu trưởng sắp xếp, tuyển dụng theo đúng, đủ số lượng theo vị trí việc làm và thành lập các tổ chuyên môn riêng biệt khi đủ số lượng.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn cùng với điều kiện thực tế của nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục đầu năm học định hướng cho mọi hoạt động của nhà trường cho năm học [H1-1.8-01].

b) Kế hoạch giáo dục được tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong từng năm học do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh; Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn chỉ đạo, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương xã Tân Hiệp và hoạt động của nhà trường [H1-1.6-02]; [H1-1.4-03].

c) Phó hiệu trưởng chuyên môn tổ chức họp tổ bộ môn để đánh giá, rà soát, bổ sung kế hoạch giáo dục nhằm cải thiện chất lượng giáo dục [H1-1.4-04]; [H1-1.4-06].

Mức 2:

Hàng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng định kỳ tiến hành kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động giáo dục thông qua việc rà soát đánh giá hoạt động dạy, chất lượng giáo dục của bộ môn để điều chỉnh kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng giáo dục được Phòng giáo dục và Đào tạo đánh giá tốt [H1-1.8-02].

Hàng năm, Hiệu trưởng có triển khai các qui định về dạy thêm, học thêm đến toàn thể giáo viên, nhân viên trong buổi họp toàn đơn vị [H1-1.2-07]. Việc kiểm tra hoạt động dạy thêm của giáo viên ngoài nhà trường chưa được thực hiện tốt.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện của địa phương và phù hợp với thực tế nhà trường.

3. Điểm yếu

Có tổ chức họp tổ chuyên môn đánh giá, rà soát và bổ sung kế hoạch tuy nhiên thực hiện cải tiến còn chậm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 02 năm 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó hiệu trưởng tìm hiểu nguyên nhân vì sao chậm cải tiến sau khi họp thống nhất thực hiện thay đổi nội dung kế hoạch chưa phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường để có biện pháp chấn chỉnh nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ tại cơ sở, tạo điều kiện cho mọi cá nhân trong hội đồng nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp để xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường, phát huy được sức mạnh tập thể, tạo được khối đoàn kết, nhất trí trong toàn đơn vị để thực hiện nhiệm vụ giáo dục chung [H1-1.9-01].

b) Trong các năm học qua, mọi ý kiến, thắc mắc của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường về giải quyết chế độ, chính sách, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đều được giải quyết đúng pháp luật; không có khiếu nại, tố cáo xảy ra tại trường [H1-1.9-02].

c) Hàng năm, nhà trường thực hiện các báo cáo về việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức [H1-1.6-09]; [H1-1.9-03].

Mức 2:

Tất cả nội dung của trường đều được Hiệu trưởng đưa ra cuộc họp Hội đồng sư phạm trường thảo luận và lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên; phát huy vai trò phối hợp giám sát của Ban Thanh tra Nhân dân; thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra nội bộ, đảm bảo quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện một cách công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-01]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy được sức mạnh tập thể, tạo khối đoàn kết cùng phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Còn một số giáo viên trẻ chưa mạnh dạn, ít phát biểu đóng góp ý kiến trong các cuộc họp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021 - 2022 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì phối hợp việc xây dựng kế hoạch và giám sát thực hiện Quy chế dân chủ theo đúng qui định.

Từ năm học 2021- 2022, Hiệu trưởng cùng các Phó hiệu trưởng cập nhật hồ sơ tiếp công dân khi xử lý các phản ánh, khiếu nại từ phụ huynh và các bộ phận.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định: Phương án phòng, chống cháy nổ [H1-1.10-01]; Phương án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; Quy chế phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh với

công an đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-03]; Phương án đảm bảo an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; cán bộ, giáo viên, nhân viên được kiểm tra sức khỏe định kỳ; nhà trường không có dịch bệnh, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm xảy ra trong những năm qua [H1-1.10-04].

b) Trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và trao đổi qua điện thoại, tin nhắn để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với Công an xã Tân Hiệp, thường xuyên kiểm tra khu vực xung quanh trường để kịp thời phát hiện những tình huống gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự trường học đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04].

c) Trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, hành vi bạo lực trong nhà trường; nhà trường đã tích cực xây dựng phong trào “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, tổ chức các buổi ngoại khóa rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh [H1-1.10-05].

Mức 2:

a) Cán bộ, giáo viên, nhân viên được tập huấn phương án phòng cháy chữa cháy [H1-1.10-01]. Hàng tuần, học sinh được tuyên truyền, nhắc nhở về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh, tệ nạn xã hội [H1-1.10-02], có tổ chức sinh hoạt về chuyên đề phòng chống bạo lực, quyền trẻ em [H1-1.10-06].

b) Cán bộ, giáo viên, nhân viên và các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự thông qua hệ thống camera giám sát, hộp thư góp ý và hồ sơ quản lý kỷ luật học sinh [H1-1.10-07]. Hàng năm có công văn đề xuất với chính quyền địa phương phối hợp, hỗ trợ ngăn chặn các hành vi bạo lực ngoài cổng trường, các hành vi vi phạm an ninh trật tự như bán hàng rong, đua xe [H1-1.10-03]. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng phụ huynh đậu xe trước cổng trường vào đầu giờ học sinh đến trường và cuối giờ học sinh ra về.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; tích cực phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

3. Điểm yếu

Vẫn còn tình trạng phụ huynh đậu xe trước cổng trường vào đầu giờ học sinh đến trường và cuối giờ học sinh ra về.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 02 năm 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo Tổng phụ trách Đội, giáo viên chủ nhiệm lớp, Giám thị, tiếp tục giáo dục học sinh các kỹ năng và ý thức giữ gìn an ninh, an toàn trường học trong các buổi sinh hoạt dưới cờ; phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh tuyên truyền, nhắc nhở cha mẹ học sinh giữ gìn an ninh, an toàn trường học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh nổi bật:

- Chiến lược phát triển nhà trường đề ra các giải pháp phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường; xây dựng tốt kế hoạch giáo dục và thực hiện đầy đủ các nội dung của kế hoạch; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Điểm yếu cơ bản:

- Công tác rà soát, đánh giá kết quả để điều chỉnh, bổ sung chiến lược phát triển nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục, chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Cán bộ quản lý của Trường Trung học cơ sở Đỗ Văn Dậy đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, có phẩm chất đạo đức nhà giáo trong sáng, có năng lực lãnh đạo và quản lý chuyên môn vững vàng, nhiệt tình trách nhiệm trong công tác, quản lý chặt chẽ các hoạt động toàn diện của nhà trường, tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch trên cơ sở các nội dung, yêu cầu và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng.

Số lượng giáo viên, nhân viên của trường đảm bảo yêu cầu quy định và được đào tạo chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao. Tinh thần đoàn kết nội bộ trong nhà trường được củng cố và phát triển không ngừng. Tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên trong trường luôn nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ nhau trong những lúc khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống đời thường, điều đó thúc đẩy hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng phát triển vững mạnh.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý nhà trường có trình độ đạt chuẩn theo qui định: Trình độ chuyên môn Đại học và thời gian công tác đúng qui định [H2-2.1-01]. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều đạt chuẩn qui định, hoàn thành các lớp bồi dưỡng tập huấn về chính trị và có bằng trung cấp chính trị, hoàn thành chương trình bồi dưỡng hiệu trưởng trường Trung học cơ sở do trường Cán bộ quản lý Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức [H2-2.1-01].

b) Hàng năm đánh giá chuẩn hiệu trưởng theo Thông tư 29/2009/TT-BGDĐT (Từ năm học 2018 - 2019 đánh giá chuẩn hiệu trưởng theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT) được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng nhà trường được tham gia lớp trung cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng hiệu trưởng, bồi dưỡng quản lý cấp phòng, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục, bồi dưỡng kiến thức An ninh quốc phòng, chính trị theo qui định [H2-2.1-03].

Mức 2:

a) Từ năm học 2015- 2016 đến nay, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng từ khá trở lên [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo qui định và được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H2-2.1-04].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp Cán bộ quản lý được cấp trên đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên và có năm được đánh giá tốt [H2-2.1-04]. Tuy nhiên, khả năng giao tiếp Tiếng Anh với giáo viên bản ngữ và người nước ngoài còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đạt chuẩn Hiệu trưởng theo qui định, có phẩm chất chính trị tốt, có năng lực quản lý, chuyên môn vững vàng, được tập thể tín nhiệm.

3. Điểm yếu

Khả năng giao tiếp Tiếng Anh với giáo viên bản ngữ và người nước ngoài còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 02 năm 2021, hiệu trưởng và 2 phó hiệu trưởng nhà trường tiếp tục tham gia lớp học bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ nâng cao khả năng giao tiếp Tiếng Anh với giáo viên bản ngữ và người nước ngoài, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong xu thế hội nhập hiện nay.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tại thời điểm tháng 02/2021, nhà trường có 52 giáo viên trên 41 lớp, đạt tỷ lệ 1,26, đủ số lượng giáo viên giảng dạy các bộ môn theo quy định tại Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn khung danh mục việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; việc phân công bố trí giáo viên giảng dạy ở tất cả các bộ môn đúng theo quy định chế độ làm việc được quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông [H2-2.2-01]; [H1-1.7-02].

b) Giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Điều 33 Điều lệ trường trung học, có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng và chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm là 52 giáo viên - tỷ lệ 100% [H2-2.2-03].

c) Từ năm 2015 – 2016 đến nay, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-04].

Mức 2:

a) Từ năm học 2015 - 2016 đến nay, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn đào tạo tăng dần theo từng năm học [H2-2.2-03].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên, trong đó có 72/72 đạt mức khá [H2-2.2-02].

c) Giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật [H1-1.10-05]; [H2-2.2-05]; [H2-2.2-06].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó không có đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt theo Thông tư 20/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2-2.2-04].

b) Giáo viên có tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học nhưng chưa có giáo viên nghiên cứu khoa học [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

100% giáo viên đều đạt chuẩn và trên chuẩn. Đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở.

Giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học. Từ năm học 2015- 2016 đến nay không có giáo viên bị hình thức kỷ luật.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có giáo viên nghiên cứu khoa học, chưa có phòng nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 02 năm 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ giáo viên, cử giáo viên tham gia khóa tập huấn hướng dẫn nghiên cứu khoa học. Nhà trường động viên, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên tham gia các hội thi nghiên cứu khoa học của ngành tổ chức.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*
- b) Hàng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hiệu trưởng căn cứ vào vị trí việc làm tuyển dụng nhân sự và sắp xếp các công việc hợp lý theo năng lực và bằng cấp chuyên môn [H2-2.3-01].
- b) Hiệu trưởng căn cứ kinh nghiệm thực tiễn, năng lực, sở trường của từng nhân viên để phân công, kiêm nhiệm các chức danh phù hợp để đảm nhiệm các hoạt động giáo dục của nhà trường hoạt động tốt [H2-2.3-01].
- c) Nhân viên nhiệt tình, có trách nhiệm, chủ động trong công tác, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Đánh giá công chức, viên chức cuối năm có 100% nhân viên được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-02].

Mức 2:

- a) Nhà trường có đủ số lượng nhân viên phụ trách các bộ phận, đáp ứng nhu cầu hoạt động [H2-2.2-01].

b) Từ năm học 2015 đến tại thời điểm đánh giá không có nhân viên bị xử lý kỷ luật [H2-2.3-02].

Mức 3:

a) Nhân viên nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Nhân viên kế toán có trình độ đại học chuyên ngành kế toán, nhân viên y tế có bằng tốt nghiệp trung cấp theo chuyên ngành, nhân viên văn thư và thư viện có bằng trung cấp, nhân viên thiết bị chưa có bằng đúng vị trí việc làm, chưa tuyển được nhân viên công nghệ thông tin [H2-2.3-01].

b) Đội ngũ nhân viên được nhà trường tạo điều kiện tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn bồi dưỡng theo vị trí việc làm như: kế toán tham gia các lớp tập huấn do Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện Hóc Môn, tổ chức về nghiệp vụ quản lý tài sản, tài chính; bảo vệ tham gia tập huấn kiến thức An ninh quốc phòng, phòng cháy chữa cháy; nhân viên phụ trách công nghệ thông tin được tham gia tập huấn về sử dụng các phần mềm quản lý nhân sự, quản lý học sinh [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên được nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Số lượng và cơ cấu nhân viên chưa đủ theo quy định theo Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập ban hành kèm Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 02 năm 2021, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân viên còn thiếu theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 dựa trên số lượng biên chế được giao theo Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2020 - 2021, trường có 1827 học sinh, độ tuổi của học sinh từ 11 tuổi đến 14 tuổi, học sinh tuyển mới vào học lớp 6 là 11 tuổi theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học [H2-2.4-01].

b) Học sinh có ý thức trách nhiệm, thực hiện tốt nội quy nhà trường, không vi phạm quy định về các hành vi học sinh không được làm theo Điều 38 và Điều 41 của Điều lệ trường trung học và các quy định trong Luật Trẻ em; đồng thời nhà trường xây dựng nội quy học sinh để cụ thể hóa các yêu cầu nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục của học sinh [H1-1.2-05]. Tuy nhiên còn một vài học sinh lớp 6 và lớp 7 năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác chưa cao.

c) Học sinh được đảm bảo các quyền hưởng thụ giáo dục, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập theo Điều 39 Điều lệ trường trung học; được bảo vệ, đối xử bình đẳng; được tham gia các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao của trường, được tham gia các phong trào nhằm phát triển năng khiếu nếu có đủ điều kiện, được nghe báo cáo chuyên đề pháp luật liên quan đến quyền trẻ em, Luật Trẻ em [H1-1.2-05]. Đối với các học

sinh có hoàn cảnh khó khăn nhà trường có chế độ miễn giảm các khoản tiền học phí ở hai học kì, Liên đội có chương trình hỗ trợ tập vở, đồng phục cho học sinh vào dịp khai giảng năm học và tặng quà Tết Nguyên đán hàng năm [H2-2.4-02].

Mức 2:

Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm quan tâm sâu sát việc thực hiện nội quy của học sinh, đưa ra biện pháp giáo dục phù hợp; Tổng phụ trách Đội thường xuyên nhắc nhở học sinh toàn trường thông qua Đội trực ban Sao đỏ, giám thị quản lý trật tự nề nếp học sinh, học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời để ngăn chặn, xử lý, giáo dục và đã có chuyển biến tích cực, thực hiện tốt nội quy của lớp và nhà trường [H1-1.10-07].

Mức 3:

Hàng năm, trường có học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp thành phố, các giải thể thao, thành tích của học sinh đã đóng góp tích cực đến các hoạt động của lớp, trường [H2-2.4-03].

2. Điểm mạnh

Học sinh của nhà trường đảm bảo đúng độ tuổi quy định, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và không vi phạm quy định về các hành vi học sinh không được làm.

Học sinh tham gia tích cực trong nhiệm vụ bồi dưỡng học sinh giỏi cấp huyện và cấp thành phố đạt thành tích trong các kỳ thi.

Nhiều học sinh có năng khiếu trong phong trào thể dục thể thao.

3. Điểm yếu

Còn một vài học sinh lớp 6 và lớp 7 năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 02 năm 2021, cán bộ, giáo viên nhà trường tiếp tục duy trì, đảm bảo quy định về độ tuổi học sinh vào trường, giáo viên tổ chức cho học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ của học sinh. Bộ phận chuyên môn chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch, đổi mới phương pháp giảng dạy, hình thức tổ chức lớp để kích thích hứng thú học tập và phát huy năng lực của học sinh.

Hiệu trưởng phổ biến, triển khai nội dung công tác chủ nhiệm cho giáo viên, chú ý phát huy năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác của học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh nổi bật:

- Nhà trường có tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo cao. Đội ngũ nhân viên được nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điểm yếu cơ bản:

- Số lượng và cơ cấu giáo viên, nhân viên chưa đủ theo quy định theo Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, tường rào, sân chơi sạch đẹp; có đủ các phòng học và phòng chức năng phục vụ cho hoạt động dạy và học. Trường có các khu nhà vệ sinh riêng biệt cho học sinh và giáo viên, có nơi để xe cho giáo viên và học sinh; có trang bị nước sạch đóng bình, có hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của giáo viên, nhân viên và học sinh.

Thư viện của trường đạt chuẩn thư viện tiên tiến có đầy đủ sách, báo, tài liệu tham khảo, có đủ các loại sổ sách theo quy định. Không gian thư viện rộng, thoáng mát, phòng đọc sách đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh, đủ chỗ cho học sinh khi vào đọc sách.

Hàng năm, trường có biện pháp duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục hiện có, đảm bảo tiết kiệm và chống lãng phí về đồ dùng dạy học, thiết bị. Trường khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học có hiệu quả.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất $6m^2$ /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất $10m^2$ /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Đỗ Văn Dậy có khuôn viên riêng biệt rất an toàn với tổng diện tích là $10.406 m^2$, có cây xanh bóng mát [H3-3.1-01]. Nhà trường luôn quan tâm tạo nên môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp, thoáng mát phục vụ tốt cho các hoạt động giáo dục học sinh [H3-3.1-02].

b) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, cổng chính có biển tên trường được đặt cổng chính, phù hợp, kiên cố ; xung quanh trường có hệ thống tường rào được thiết kế an toàn, tạo điều kiện tốt cho công tác dạy và học của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trường [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

c) Trong năm học 2020 – 2021, nhà trường có vẽ sân chuyên, bóng đá, cầu lông, trang bị 1 hố nhảy xa và một số dụng cụ phục vụ bộ môn Thể dục, để luyện tập sức khỏe và các hoạt động giáo dục của nhà trường; sân trường được lát gạch bằng phẳng đảm bảo an toàn cho các em trong các hoạt động học tập và vui chơi [H3-3.1-02].

Mức 2:

Trường có khối nhà thể thao đa năng với diện tích 524,64 m². Trường có sân chơi rộng 2.777m², chiếm 27.36% so với diện tích toàn trường, sân chơi là sân tập thể dục cho học sinh nhưng chưa đảm bảo diện tích sân tập, chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01].

Mức 3:

Tổng diện tích của trường là 10.406 m² (trong đó diện tích sân chơi bãi tập là 2.777 m² chiếm tỷ lệ 27.36% so với diện tích đất của trường) với tổng số học sinh trường là 1820 có diện tích bình quân là 1.52 m²/học sinh [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có hàng rào bao quanh đảm bảo an toàn, có cổng trường theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học. Khuôn viên trường an toàn, đảm bảo vệ sinh, tạo nên môi trường học tập và làm việc tốt nhất cho giáo viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa đảm bảo diện tích mặt bằng xây dựng bình quân tối thiểu 6m²/học sinh đối với khu vực thành phố, không có sân dành riêng cho học sinh học thể dục.

Trường còn một khu đất quy hoạch xây dựng nhà ăn bán trú, phòng hội trường nhưng chưa thi công.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 12 năm 2020, Hiệu trưởng nhà trường gửi kiến nghị đề xuất với Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng hoàn thiện khu đất được quy hoạch để hoàn thiện công trình trường học như thiết kế ban đầu. Hiệu trưởng chỉ đạo lập kế hoạch trang bị thêm máy che cho sân tập thể dục cho học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 41 phòng học, có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát đủ số phòng học để đảm bảo cho 41 lớp học 02 buổi /ngày [H3-3.1-01]. Nhà trường đảm bảo trang trí lớp đúng quy định như ảnh Bác, bảng 5 Điều Bác Hồ dạy [H3-3.1-02]; [H3-3.2-02].

b) Nhà trường có các phòng học bộ môn bao gồm 01 phòng thực hành Vật lý, 01 phòng thực hành Hóa học, 01 phòng thực hành Vật lý, 01 phòng thực hành Sinh học, 03 phòng Tin học, được trang bị đầy đủ dụng cụ theo quy định [H3-3.1-01].

c) Nhà trường có 01 phòng Đoàn - Đội, 01 phòng thư viện và 01 phòng truyền thống theo qui định [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có các phòng học, phòng học bộ môn diện tích đảm bảo 61

m² đạt tiêu chuẩn theo Quy định về phòng học bộ môn Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các phòng học được bố trí trên các dãy lầu 1, lầu 2 [H3-3.1-01].

b) Khối phục vụ học tập đáp ứng được yêu cầu cơ bản của các hoạt động nhà trường, đảm bảo cơ sở vật chất tối thiểu cho hoạt động dạy và học [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định, việc quản lý, sử dụng các khối phòng nói trên được thực hiện có hiệu quả và theo các quy định hiện hành [H3-3.2-01]. Trường chưa có phòng tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh khuyết tật hòa nhập [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ khối phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ bàn ghế học sinh, bàn ghế của giáo viên, bảng viết trong mỗi phòng học. Phòng Tin học các máy vi tính được kết nối internet phục vụ dạy học.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có phòng tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có khuyết tật hòa nhập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 12 năm 2020 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng đề xuất sửa chữa, mua sắm thêm máy vi tính để nâng cao hiệu quả dạy và học. Sắp xếp và biên chế các lớp học hợp lý để bố trí phòng phục vụ tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh khuyết tật hòa nhập.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) *Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

b) *Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*

c) *Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Khối phòng hành chính - quản trị cơ bản đảm bảo theo đúng quy định gồm: 01 phòng hiệu trưởng diện tích 24 m², 02 phòng phó hiệu trưởng diện tích 24m², 01 phòng Công đoàn tích 24 m², 01 phòng Tài vụ diện tích 24 m², 01 phòng Đoàn - Đội - Truyền thống diện tích 60,3 m², 01 phòng y tế diện tích 24m², 01 phòng thiết bị diện tích 53,6 m², 01 phòng thư viện diện tích 24 m², 01 phòng tiếp dân diện tích 24 m², 01 phòng học vụ lưu trữ hồ sơ diện tích 24 m², 02 phòng nghỉ giáo viên diện tích 40 m², 01 phòng bảo vệ diện tích 12 m² [H3-3.3-01].

b) Nhà trường có nơi để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên với diện tích 95m², được đặt ở vị trí thuận tiện ở khu A gần cổng sau trường [H3-3.1-01]. Khu để xe học sinh ngay cổng vào và sau dãy phòng khu B, đảm bảo an toàn trật tự, thuận tiện cho việc đi lại của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.1-02].

c) Khối hành chính - quản trị, được đưa vào sử dụng từ năm học 2016 – 2020 với đầy đủ các thiết bị phục vụ hoạt động hành chính - quản trị: máy vi tính, máy in, máy phô tô, kết nối internet [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Mức 2:

Khối phòng hành chính - quản trị cơ bản đảm bảo theo đúng quy định đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn cho giáo viên, nhân viên.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học theo từng bộ phận, hệ thống đường truyền internet chưa ổn định, tốc độ đường truyền chậm, cấu hình máy tính yếu gây hạn chế trong việc trao đổi thông tin, dữ liệu trực tuyến [H3-3.3-01].

2. Điểm mạnh

Trường Trung học cơ sở Đỗ Văn Dậy có khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính được trang bị đầy đủ các thiết bị, phục vụ tốt cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Cấu hình máy tính yếu, hệ thống đường truyền internet chưa ổn định, tốc độ đường truyền chậm gây hạn chế trong việc trao đổi thông tin, dữ liệu trực tuyến.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 12 năm 2020, hiệu trưởng đề xuất nâng cấp đường truyền internet và cấu hình máy vi tính để nâng cao hiệu quả các phòng chức năng phục vụ cho các hoạt động hành chính, quản lý trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường được thiết kế 01 trệt và 03 lầu, mỗi tầng đều có khu nhà vệ sinh dành riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nam nữ tách biệt; 2 khu nhà vệ sinh dành cho học sinh nam nữ tách biệt; có khu vực rửa tay, cung cấp đủ nước sạch, xà phòng; nền nhà vệ sinh luôn khô ráo đảm bảo an toàn.[H3-3.1-02].

b) Hệ thống thoát nước được đấu nối với hệ thống cống thoát nước bên ngoài không làm ô nhiễm môi trường, không ngập nước mỗi khi trời mưa [H3-3.1-01]. Nước uống của học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên là nước đóng bình được định kỳ xét nghiệm, nguồn nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng theo các quy định của Bộ Y tế [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02].

c) Trường đã tiến hành phân loại rác theo đúng quy định: mỗi phòng học, phòng làm việc và sân trường đều bố trí các sọt đựng rác có nắp đậy; rác thu gom được xử lý hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-03].

Mức 2:

a) Vị trí các khu nhà vệ sinh phù hợp với cảnh quan trường học, sạch sẽ an toàn và thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.1-01]; Loại hình nhà tiêu sử dụng bảo đảm các yêu cầu về xây dựng, sử dụng và bảo quản theo quy định của Bộ Y tế (QCVN 01: 2011/BYT) [H3-3.1-01]; [H3-3.4-04]. Tuy nhiên, trường chưa có nhà vệ sinh kinh nguyệt cho các em học sinh nữ.

b) Trường có hệ thống nước sạch của nhà máy nước, có hệ thống thoát nước đạt yêu cầu, không làm ô nhiễm môi trường; trường có hợp đồng với đội thu gom rác dân lập xã Tân Hiệp để thực hiện thu gom rác 6lần/tuần đảm bảo vệ sinh môi trường đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-03].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống nước sạch, nhà vệ sinh sạch sẽ, thu gom rác an toàn, gọn gàng, đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu

Chưa bố trí nhà vệ sinh kinh nguyệt cho các em học sinh nữ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 12 năm 2020, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tiến hành cải tạo buồng vệ sinh nữ thành nhà vệ sinh kinh nguyệt cho các em học sinh nữ để đảm bảo vụ cho việc sinh hoạt của học sinh nhà trường thuận lợi.

Bộ phận bảo vệ và tạp vụ tiếp tục thường xuyên kiểm tra hệ thống nước, nhà vệ sinh, khu vực thu gom rác đảm bảo vệ sinh môi trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đủ các thiết bị văn phòng: Máy vi tính, máy in, máy photocopy, hệ thống loa phát thanh và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường [H3-3.5-01]; [H3-3.2-02]

b) Phòng thiết bị có đầy đủ các thiết bị dạy học tối thiểu cho từng bộ môn theo Thông tư 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11/8/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở; hàng năm được bổ sung để phục vụ nhu cầu giảng dạy của giáo viên [H3-3.5-03]; Trong giảng dạy, giáo viên thực hiện đúng yêu cầu về việc sử dụng trang thiết bị dạy và học trong các giờ lên lớp [H3-3.5-02].

c) Vào cuối tháng 5 sau khi kết thúc năm học nhà trường thực hiện việc kiểm kê số lượng từng loại thiết bị và có kế hoạch sửa chữa và mua sắm bổ sung [H3-3.2-03]; [H3-3.5-04].

Mức 2:

a) Trường có 02 đường truyền Internet cáp quang, hệ thống máy tính của Cán bộ quản lý, văn phòng, thư viện, phòng Tin học đều được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

b) Thiết bị dạy học được trang bị đầy đủ theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu ban hành kèm Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hàng năm được bổ sung để phục vụ nhu cầu giảng dạy của giáo viên [H3-3.5-02].

c) Hàng năm, nhà trường đều thực hiện kiểm kê, rà soát, đánh giá việc bảo quản và sử dụng đồ dùng, thiết bị để có kế hoạch bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm [H3-3.5-05].

Mức 3:

Việc sử dụng đồ dùng dạy học được trang bị cũng như đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên đôi lúc chưa thật hiệu quả, chưa phát huy hết tác dụng của đồ dùng dạy học nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.2-02].

2. Điểm mạnh

Trường đảm bảo đầy đủ trang thiết bị dạy và học cho tất cả các bộ môn theo quy định. Hàng năm bộ phận thiết bị đều có kiểm kê để có kế hoạch sửa chữa và mua sắm bổ sung thêm trang thiết bị để phục vụ dạy và học.

3. Điểm yếu

Thiết bị dạy học tự làm khai thác và sử dụng chưa được hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 12 năm 2020, Hiệu trưởng phân công Phó hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên thiết bị xây dựng kế hoạch hội thi đồ dùng dạy học nhằm khuyến khích giáo viên tự làm thêm các đồ dùng dạy học để phục vụ hiệu quả cho tiết dạy.

Cán bộ quản lý khuyến khích giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, tự làm đồ dùng dạy học phục vụ hiệu quả cho việc đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu,

hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện được nhà trường trang bị đầy đủ các đầu sách như báo, tạp chí, sách giáo khoa, sách tham khảo, sách pháp luật, truyện thiếu nhi, ... phục vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh các hoạt động dạy, học, nghiên cứu và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.6-05].

b) Hoạt động của thư viện từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút và từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút mỗi ngày; trong mỗi năm học, thư viện nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động như: Hội thi kể chuyện theo sách, giới thiệu sách mới, triển lãm sách hay trong tháng cho học sinh; Hội thi Lớn lên cùng sách; hoạt động của thư viện đáp ứng tốt nhu cầu đọc sách, nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh và đã thu hút cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đến đọc và tham khảo [H1-1.6-05].

c) Hàng năm vào tháng 6, sau khi kết thúc năm học, nhân viên thư viện kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H3-3.5-04]; [H3-3.6-01].

Mức 2:

Thư viện nhà trường hàng năm được Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá xếp loại tiên tiến [H1-1.6-09]; [H3-3.6-02].

Mức 3:

Nhà trường đã trang bị 01 máy vi tính phục vụ cho công tác chuyên môn của nhân viên thư viện; thư viện nhà trường hàng năm được đánh giá xếp loại tiên tiến [H3-3.6-02]; [H1-1.6-09]. Tuy nhiên, nhân viên thư viện trường chưa cập nhật quản lý đầu sách trên cổng thông tin điện tử.

2. Điểm mạnh

Thư viện thường xuyên chú trọng việc bổ sung nhiều tài liệu, sách báo phục vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Thư viện nhà trường được công nhận thư viện tiên tiến.

3. Điểm yếu

Thư viện trường chưa có cập nhật quản lý đầu sách trên Cổng thông tin điện tử để thuận lợi cho việc phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 12 năm 2020, Hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên thư viện tiếp tục bổ sung thêm đầu sách từ nguồn kinh phí hàng năm để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh.

Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất trang bị bổ sung thêm máy vi tính có cấu hình mạnh giúp nhân viên thư viện cập nhật, quản lý đầu sách trên Cổng thông tin điện tử, để thuận lợi phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhà trường phấn đấu đạt thư viện xuất sắc.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Điểm mạnh nổi bật

- Trường có hệ thống nước sạch, nhà vệ sinh sạch sẽ, thu gom rác an toàn, gọn gàng, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Điểm yếu cơ bản

- Chưa cập nhật quản lý đầu sách trên Cổng thông tin điện tử để thuận lợi cho việc phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Nhà trường xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên phối hợp các tổ chức, tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Nhà trường chủ động phối hợp với địa phương và các tổ chức đoàn thể ở địa phương dưới nhiều hình thức nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng trường và môi trường giáo dục; không ngừng

nâng cao chất lượng giáo dục; nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời. Từ đó, trường đề ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

Nhà trường có tổ chức Ban đại diện Cha mẹ học sinh và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

Nhà trường luôn chấp hành theo sự lãnh đạo của Đảng ủy xã Tân Hiệp, phối hợp tốt với Ủy ban nhân dân, các đoàn thể xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn tạo điều kiện thuận lợi trong công tác giáo dục học sinh.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ Ban đại diện Cha mẹ học sinh của trường và của từng lớp, được bầu ra vào đầu mỗi năm học theo đúng Điều lệ được ban hành theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm 01 trưởng ban, 02 phó ban và các ủy viên; Ban đại diện cha mẹ học sinh được bầu chọn theo đúng hướng dẫn và hoạt động theo đúng quy định [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT; Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng quy chế hoạt động, đề ra kế hoạch hoạt động trong năm học và được thống nhất trong tập thể cha mẹ học sinh toàn trường [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch đúng tiến độ, có phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, có ý kiến đóng góp tích cực với nhà trường trong quá trình giáo dục học sinh, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh [H4-4.1-02].

Mức 2:

Ban đại diện Cha mẹ học sinh thực hiện tốt việc phối hợp với nhà trường trong các hoạt động giáo dục học sinh; tổ chức cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh họp theo định kỳ 01 năm 03 lần (đầu năm học, cuối học kì I và cuối học kì II) và họp đột xuất; tiếp thu ý kiến của Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp về công tác quản lý, công tác giảng dạy của nhà trường, thống nhất các biện pháp phối hợp giáo dục học sinh và giúp hiệu trưởng giải quyết những kiến nghị của cha mẹ học sinh; trong các cuộc họp Ban đại diện cha mẹ học sinh đã hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục cho cha mẹ học sinh; phối hợp với giáo viên chủ nhiệm vận động học sinh bỏ học ra lớp [H4-4.1-02].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động cùng với nhà trường thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-02]. Tuy nhiên 03 thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh trường đều có công việc cá nhân nên đôi lúc gặp khó khăn về thời gian trong công tác tổ chức thực hiện các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp và Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường được thành lập và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

3. Điểm yếu

Còn 03 thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh trường đều có công việc cá nhân nên đôi lúc gặp khó khăn về thời gian trong công tác tổ chức thực hiện các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục thực hiện cơ chế phối hợp giữa nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh và chính quyền địa phương trong công tác giáo dục.

Vào đầu năm học 2021-2022, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm lớp nghiên cứu kỹ lý lịch học sinh, tìm hiểu kỹ các đối tượng cha mẹ học sinh để giới thiệu đến cha mẹ học sinh trong hội nghị Cha mẹ học sinh nhằm bầu chọn ra Ban đại diện cha mẹ học sinh có tâm huyết, nhiệt tình, sắp xếp thời gian làm tốt vai trò cầu nối giữa nhà trường với cha mẹ học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công

trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã chủ động tham mưu với Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp về kế hoạch giáo dục của nhà trường, việc xây dựng kế hoạch năm học phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; phối hợp với các khu phố hỗ trợ và vận động trẻ đến tuổi ra lớp, học sinh bỏ học trở lại lớp [H1-1.1-02].

b) Nhà trường thường xuyên phối hợp với các ban ngành đoàn thể địa phương như: Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Công an, ... trong việc giáo dục đạo đức học sinh, vận động học sinh nghỉ học ra lớp, tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa khác như: sinh hoạt truyền thống các ngày lễ lớn, phối hợp với công an xã đăng ký nhà trường “An toàn về an ninh trật tự”; Sự phối hợp trên đã đem lại hiệu quả cao trong công tác giáo dục học sinh [H4-4.1-01].

c) Nhà trường huy động sự hỗ trợ tự nguyện về tinh thần, vật chất của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất ngày càng hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giáo dục của giáo viên và học sinh, phát triển nhà trường [H4-4.2-02]. Vận động mạnh thường quân trợ cấp học bổng cho học sinh, khen thưởng học sinh cuối năm; khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc, tặng quà Tết Nguyên đán học sinh hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn; khen thưởng học sinh có nhiều tiến bộ vươn lên trong học tập từ nguồn quỹ khuyến học để động viên các em. Tuy nhiên, nguồn kinh phí vận động còn hạn chế [H4-4.2-03].

Mức 2:

a) Nhà trường tham mưu Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển; báo cáo kịp thời với Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp các vấn đề khó khăn, phức tạp trong và bên ngoài trường: vấn đề giao thông, an ninh trật tự, an toàn xã hội trước cổng trường [H4-4.2-04].

b) Hàng năm nhà trường phối hợp với Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội phối hợp với Đoàn xã Tân Hiệp tổ chức cho học sinh đi tham quan các khu di tích lịch sử Bảo tàng lịch sử Hóc Môn, Khu di tích lịch sử Ngã Ba Giồng, Khu di tích địa đạo Củ Chi, Bia tưởng niệm Cầu Xáng Xã Tân Hiệp; kết hợp với giáo viên bộ môn Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân, giáo viên chủ nhiệm lồng ghép trong các tiết dạy, qua đó đã giáo dục tốt học sinh về truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc [H1-1.8-01]; [H4-4.2-05]. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường, cá nhân khi thực hiện các hoạt động giáo dục; hàng năm vào các dịp lễ tết tổ chức thăm viếng gia đình liệt sĩ Đỗ Văn Dậy thuộc xã Tân Hiệp huyện Hóc Môn [H4-4.2-06]; phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp tuyên truyền về biển đảo, tháng an toàn giao thông; phối hợp với Công an xã Tân Hiệp tuyên truyền về thực hiện Luật Giao thông; phối hợp với bộ phận chuyên trách y tế và giáo viên bộ môn Sinh học, giáo viên bộ môn Giáo dục công dân thực hiện các chuyên đề về pháp luật, kỹ năng sống [H4-4.2-05].

Mức 3:

Nhà trường luôn thực hiện tốt công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động của trường. Từ những kết quả đã đạt được, nhà trường đang phấn đấu việc xây dựng trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chủ động tham mưu cho Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường. Huy động được sự hỗ trợ tích cực của chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn

thể, cha mẹ học sinh và các tổ chức cá nhân khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

3. Điểm yếu

Việc huy động kinh phí tự nguyện từ các tổ chức cá nhân còn hạn chế. Nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 12 năm 2020, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện việc huy động có hiệu quả các nguồn lực để chăm lo tốt cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; chú ý phát huy vai trò của Chi hội Khuyến học nhà trường trong việc vận động nguồn lực tự nguyện để hỗ trợ nhà trường việc khuyến học, khuyến tài. Vào dịp cuối năm, Tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong phối hợp cùng giáo viên chủ nhiệm chọn 1 học sinh có hoàn cảnh khó khăn trao quà tết cho học sinh.

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể địa phương phấn đấu xây dựng trường thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Điểm mạnh nổi bật:

- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các tổ chức, đoàn thể ở địa phương trong việc thực hiện các kế hoạch; huy động được các nguồn lực về tinh thần, vật chất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

- Việc huy động kinh phí tự nguyện từ các tổ chức cá nhân còn hạn chế.
- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu

Trong các năm học, nhà trường triển khai đầy đủ kế hoạch giáo dục tới toàn thể hội đồng sư phạm, Ban đại diện cha mẹ học sinh. Các bộ phận, các tổ

đều nắm vững các biện pháp thực hiện kế hoạch đề ra. Nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong năm học, nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo đúng thời gian quy định, tập trung chỉ đạo công tác chuyên môn đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thực hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, tổ chức tốt các phong trào văn hóa văn nghệ thể thao, thực hiện tốt việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Do vậy, các năm học qua kết quả học tập của học sinh đạt nhiều thành tích khả quan về học lực cũng như chất lượng hạnh kiểm học sinh toàn trường luôn giữ vững. Bên cạnh đó, giáo dục thể chất, giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề đạt kết quả tốt, góp phần quan trọng thúc đẩy thành tích chung của nhà trường.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục, tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo qui định; đảm bảo mục tiêu giáo dục, thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục phổ thông và các quy định về chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo. [H1-1.8-01].

b) Thực hiện nghiêm túc việc dạy học tích hợp, có liên hệ thực tế, thực hiện cân đối giữa truyền thụ kiến thức với rèn luyện kỹ năng tư duy cho học sinh, đồng thời giáo dục kỹ năng sống lồng ghép trong giờ dạy bộ môn; giáo viên của trường luôn tích cực trong đổi mới phương pháp, vận dụng phương pháp: “Bàn tay nặn bột”, “Dạy học theo dự án”, “Học tập trải nghiệm sáng tạo”, “Giáo dục STEM”, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy [H1-1.6-07].

c) Cán bộ quản lý chỉ đạo giáo viên tăng cường thực hiện đổi mới đánh giá, xếp loại học sinh, hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập, giáo dục học sinh học tốt tất cả các môn [H1-1.2-05]. Nhà trường thực hiện hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh theo quy định, đảm bảo tính khách quan và hiệu quả. Nội dung kiểm tra bảo đảm tính chính xác, hệ thống câu hỏi rõ ràng, nội dung câu hỏi theo tiến độ bài dạy, đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình, chú trọng câu hỏi vận dụng và câu hỏi liên hệ thực tiễn cuộc sống [H5-5.1-01].

Mức 2:

a) Giáo viên thực hiện nghiêm túc việc dạy học tích hợp, có liên hệ thực tế, thực hiện cân đối giữa truyền thụ kiến thức với rèn luyện kỹ năng tư duy cho học sinh, đồng thời giáo dục kỹ năng sống trong giờ dạy bộ môn Giáo dục công dân, Sinh học, Địa lý, Âm Nhạc, Thể Dục; tăng cường thực hiện đổi mới đánh giá, xếp loại học sinh, hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập, giáo dục học sinh học tốt các môn [H1-1.1-05]; [H1-1.4-03].

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện ngay từ đầu năm học theo kế hoạch của nhà trường [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03]; [H5-5.2-04]. Có kế hoạch tổ chức giải truyền thống bằng hình thức kiểm tra kiến thức các môn văn hóa để phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi [H5-5.1-05].

Mức 3:

Công tác kiểm tra của Cán bộ quản lý và các tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn tiến hành chưa thường xuyên, chưa nhận xét, rút kinh nghiệm kịp thời hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy của giáo viên và kết quả học của học sinh [H1-1.4-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; giáo viên lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng, đảm bảo khách quan và hiệu quả.

3. Điểm yếu

Công tác kiểm tra của Cán bộ quản lý và các tổ trưởng chuyên môn tiến hành chưa thường xuyên; tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục chưa phát huy hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng dạy của giáo viên và kết quả học của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 12 năm 2020, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo cho Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn trong buổi họp chuyên môn hàng tháng phải phân tích, đánh giá, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện tổ chức các hoạt động giáo dục trong tháng đó cụ thể hơn, phân tích kỹ và sâu hơn; phân tích hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

Cán bộ quản lý khuyến khích giáo viên tiếp tục tích cực đổi mới phương

pháp dạy học, đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên trong học tập của học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hàng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có kế hoạch tổ chức phụ đạo học sinh yếu nhằm nâng cao kết quả học tập, kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi và tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh dự thi cấp thành phố và học sinh học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04].

b) Trong các tiết dạy, nhà trường yêu cầu giáo viên chú ý phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của học sinh, tăng cường việc luyện tập củng cố

kiến thức theo yêu cầu và khả năng học tập của từng đối tượng học sinh; có tổ chức kiểm tra, đánh giá hàng tháng để kịp thời biểu dương học sinh [H1-1.6-07].

c) Mỗi học kì, nhà trường đều tổ chức họp sơ kết, tổng hợp, đánh giá rút kinh nghiệm và xếp loại kết quả học tập của học sinh, từ đó tìm ra các biện pháp hữu hiệu, phân công giáo viên giỏi, có kinh nghiệm bồi dưỡng các học sinh giỏi và giúp đỡ học sinh yếu kém, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện của nhà trường [H1-1.2-05]; [H5-5.1-05].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục [H2-2.4-02]; [H4-4.2-03].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường đều có học sinh tham dự và đạt thành tích trong các cuộc thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp thành phố, các hội thi văn nghệ, thể dục thể thao. Tuy nhiên, số học sinh giỏi các môn văn hóa cấp thành phố của nhà trường chưa cao [H2-2.4-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

3. Điểm yếu

Số học sinh giỏi các môn văn hóa cấp thành phố của nhà trường chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 12 năm 2020, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng chuyên môn tiếp tục theo dõi công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, lựa chọn giáo viên nhiều kinh nghiệm, tâm huyết để phân công bồi dưỡng cho học sinh. Phó Hiệu trưởng chỉ

đạo các tổ chuyên môn tổ chức chuyên đề trao đổi về kinh nghiệm bồi dưỡng học sinh giỏi, tăng cường phối hợp với giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và gia đình học sinh trong công tác phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu để nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục. Giáo viên Thể dục vận động học sinh tham gia tốt các hoạt động thể thao, văn hóa văn nghệ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hàng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng đã chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt việc giảng dạy lịch sử địa phương cho tổ bộ môn (Lịch sử, Ngữ văn, ...) lên kế hoạch cụ thể lồng ghép truyền thống địa phương trong các tiết dạy; tạo hứng thú, động lực học tập cho học sinh thông qua các môn học, qua đó, các em hiểu biết thêm về lịch sử và văn hóa địa phương, đồng thời khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương [H1-1.8-01]; [H1-1.10-05].

b) Nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo đúng quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo; tổ chức kiểm tra

việc học lịch sử địa phương qua việc lồng ghép nội dung vào đề kiểm tra học kì [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

c) Hàng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo tổ bộ môn rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương được lồng ghép qua các môn học như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Mỹ thuật, Giáo dục công dân gắn liền với thực tế địa phương [H1-1.4-03]; [H1-1.8-01].

Mức 2:

Kế thừa và phát huy truyền thống lịch sử dân tộc, tình yêu quê hương đất nước, nhà trường đã thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn. [H1-1.4-03]; [H1-1.8-01].

2. Điểm mạnh

Trường Trung học cơ sở Đỗ Văn Dậy thuộc địa bàn huyện Hóc Môn là địa phương giàu truyền thống lịch sử cách mạng nên thuận lợi cho việc thực hiện giáo dục địa phương. Nội dung giáo dục địa phương được lồng ghép qua các môn học như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Mỹ thuật, Giáo dục công dân gắn liền với thực tế địa phương.

3. Điểm yếu

Công tác rà soát, đánh giá, cải tiến, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 12 năm 2020, Hiệu trưởng tiếp tục khuyến khích giáo viên và học sinh sưu tầm và bổ sung các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương để nâng cao hiệu quả bài học.

Phó Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo cho giáo viên thường xuyên cập nhật nội dung giáo dục địa phương trong giáo án phù hợp với thực tiễn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp vào đầu mỗi năm học theo quy định và điều kiện của nhà trường [H5-5.4-01]; [H2-2.2-06]. Tổ chuyên môn có xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề của tổ trong mỗi năm học [H1-1.4-03].

b) Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức đúng kế hoạch; tổ chức hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 ở các trường Trung cấp nghề, liên kết phối hợp với các trường trung học phổ thông công lập và tư thục để tư vấn và hướng nghiệp với sự tham gia của 100% học sinh lớp 9 [H1-1.10-05].

c) Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được sự tham gia của các lực lượng giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.10-05]. Đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch phân công cán bộ quản lý, Ban chấp hành Chi đoàn, tổng phụ trách, giáo viên chủ nhiệm thực hiện hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh [H5-5.4-01].

Mức 2:

a) Từ tháng 8 năm 2020, Hiệu trưởng đã chỉ đạo Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện nhà trường, phù hợp với tình hình học sinh và đạt

kết quả thiết thực [H2-2.3-03]. Tuy nhiên, tổ chức các hoạt động học tập trải nghiệm ngoài nhà trường chưa nhiều.

b) Vào tháng 5, sau khi tổng kết năm học, cán bộ quản lý nhà trường rà soát đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Học sinh của trường được tham gia trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Nhà trường thực hiện tốt các chủ đề hướng nghiệp theo quy định, góp phần làm cơ sở để thực hiện tốt hơn công tác tư vấn phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở.

Trường thực hiện hướng nghiệp dạy nghề theo đúng quy định đáp ứng nguyện vọng học sinh.

3. Điểm yếu

Tổ chức các hoạt động học tập trải nghiệm ngoài nhà trường chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 12 năm 2020, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch trải nghiệm, hướng nghiệp lồng ghép nội dung phong phú, đa dạng. Tiếp tục chỉ đạo quản lý chặt chẽ việc hướng nghiệp, dạy và học nghề; tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm đa dạng, thu hút 100% học sinh tham gia.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch hướng nghiệp cho học sinh nhằm hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn, kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích, kỹ năng chống xâm hại tình dục [H1-1.8-01]; [H2-2.2-06]; [H5-5.5-01];

b) Trong các tiết sinh hoạt dưới cờ, tiết sinh hoạt chủ nhiệm, tiết hoạt động ngoài giáo dục giờ lên lớp, nhà trường đã thường xuyên tổ chức rèn luyện các kỹ năng cho học sinh thông qua các chuyên đề [H1-1.10-05]. Tổ chức các hoạt động tập thể về cách ứng xử nơi công cộng, giáo dục về an toàn giao thông, ý thức vệ sinh môi trường sư phạm, phòng chống các tác hại của chất kích thích gây nghiện, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, thực hành tính tiết kiệm điện - nước [H4-4.2-05]. Thực hiện phòng chống đuối nước cho 100% học sinh [H5-5.5-02]. Thông qua các hoạt động giáo dục, ý thức của học sinh có chuyển biến tích cực [H1-1.5-04];

c) Hàng năm chuyên trách y tế nhà trường tuyên truyền giáo dục và tư vấn về sức khỏe, giáo dục về giới tính, tình yêu, hôn nhân gia đình phù hợp với tâm

sinh lý lứa tuổi học sinh trong các buổi sinh hoạt dưới cờ: cách phòng chống bệnh, hướng dẫn cách giữ gìn sức khỏe, bảo vệ bản thân; có kế hoạch tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS, phòng chống các dịch bệnh trong nhà trường để bảo vệ sức khỏe học sinh; từ hoạt động đó đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H1-1.5-03]; [H1-1.5-04].

Mức 2:

a) Từng bước hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện, biết so sánh kết quả học tập của mình qua từng giai đoạn, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu để có trách nhiệm với bản thân [H1-1.5-04];

b) Học sinh bước đầu vận dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn thông qua các chủ đề STEM ở các môn học [H1-1.6-07]. Tuy nhiên vẫn còn một số học sinh khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn còn thụ động, hạn chế.

Mức 3:

Giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia hội thi Khoa học kỹ thuật với những đề tài đơn giản, vừa sức với học sinh trung học cơ sở. Tuy nhiên số lượng học sinh tham gia còn ít [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch, tổ chức giáo dục kỹ năng sống giúp học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Học sinh có chuyển biến tích cực về đạo đức lối sống và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

3. Điểm yếu

Khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn của một số học sinh còn thụ động, hạn chế. Số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học theo hướng dẫn còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021 - 2022, nhà trường tiếp tục xây dựng và thực hiện chương trình, tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm, giáo dục ngoài giờ lên lớp, thu hút học sinh tham gia, rèn luyện. Giáo viên trao đổi với cha mẹ học sinh, vận động, khuyến khích, tạo điều kiện để học sinh tham gia các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

Tháng 5 năm 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn, đoàn, đội xây dựng kế hoạch tổ chức đa dạng, phong phú các hình thức sinh hoạt câu lạc bộ nhằm phát huy năng lực, sở trường và đáp ứng nhu cầu được học tập, sinh hoạt vui chơi của học sinh, thu hút học sinh tham gia nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường đều có thống kê tổng hợp kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh; kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh đạt yêu cầu của nhà trường [H1-1.7-05].

* Học lực:

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Tỷ lệ học lực học sinh trung bình, khá, giỏi (lên lớp).	1265/1353 (93,5%)	1276/1369 (93,2%)	1420/1492 (95,2%)	1532/1623 (94,4%)	1647/1689 (97,5%)

* Hạnh kiểm:

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Tỷ lệ hạnh kiểm xếp loại trung bình, khá, tốt	1551/1551 (100%)	1770/1770 (100%)	1955/1955 (100%)	2104/2104 (100%)	2461/2461 (100%)

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng và tốt nghiệp trung học cơ sở đạt chỉ tiêu đề ra [H1-1.7-05].

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở:

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp	99/72%	99,6%	99,6%	100%	100%

c) Nhà trường định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch đã đề ra. Trường liên kết với trường Trung cấp nghề Bách Nghệ huyện Hóc Môn, liên kết phối hợp với các trường trung học phổ thông dân lập và tư thục để tư vấn và hướng nghiệp với sự tham gia của 100% học sinh lớp 9. Đối với các học sinh không đậu kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, nhà trường tiếp tục tư vấn phụ huynh và học sinh để các em có thể tiếp tục học ở trường trung cấp nghề, trường dân lập, trung tâm giáo dục thường xuyên [H5-5.6-01]; [H2-2.3-03].

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm và tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp thay đổi theo từng năm, có chuyển biến tích cực kể từ năm học 2015- 2016 đến năm học 2019 - 2020 [H1-1.7-05]

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H1-1.7-05]. Tuy nhiên, tỷ lệ học sinh đạt kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông chưa cao.

Mức 3:

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường đạt từ 27,76% trở lên [H1-1.7-05].

Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	403/1353 HS 29,79%	380/1369 HS 27,76%	449/1492 HS 30,09%	473/1623 HS 29,14%	654/1689 HS 38,72%

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường đạt từ 38,28% trở lên [H1-1.7-05].

Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	534/1353 HS 39,47%	524/1369 HS 38,28%	616/1492 HS 41,29%	654/1623 HS 40,3%	703/1689 HS 41,62%

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường từ 2,48% trở lên [H1-1.7-05].

Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	88/1353 HS 6,5%	93/1369 HS 6,8%	72/1492 HS 4,83%	91/1623 HS 5,61%	42/1689 HS 2,48%

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt của trường đạt ít nhất từ 97,04% trở lên [H1-1.7-05].

Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt, khá	1313/1353 HS 97,04%	1339/1369 HS 97,81%	1473/1492 HS 98,73%	1594/1623 HS 98,21%	1679/1689 HS 99,41%

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

Trường có tỷ lệ học sinh bỏ học không quá 2,0 %, tỷ lệ học sinh lưu ban không quá 3,0 % [H1-1.7-05].

Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Tỷ lệ học sinh bỏ học	17/1551 (1,09%)	17/1770 (0,96%)	21/1955 (1,07%)	12/2104 (0,57%)	50/2461 (2,03%)
Tỷ lệ học sinh lưu ban	47/1551 (2,93%)	54/1770 (3,05%)	64/1955 (3,27%)	31/2104 (1,47%)	57/2461 (2,31%)

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Công tác định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trường có tỷ lệ học sinh bỏ học trên 01%, tỷ lệ học sinh lưu ban trên 02%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 12 năm 2020, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn khối lớp 9 đề ra biện pháp đối với học sinh yếu kém không tham gia học phụ đạo, hướng dẫn học sinh ôn tập phù hợp với từng đối tượng học sinh, quan tâm động viên, tạo điều kiện học sinh học tập ở trường, ở nhà để hạ thấp tỷ lệ học sinh yếu kém.

Phối hợp tốt ba lực lượng nhà trường - gia đình - địa phương trong việc tuyên truyền, vận động học sinh bỏ học trở lại trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Điểm mạnh nổi bật:

- Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

- Công tác định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

- Trường có tỷ lệ học sinh bỏ học trên 01%, tỷ lệ học sinh lưu ban trên 02%.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG

Báo cáo tự đánh giá của Trường Trung học cơ sở Đỗ Văn Dậy được hoàn thành, phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đề ra chiến lược phát triển nhà trường, xác định tầm nhìn, đánh giá công tác quản lý và tổ chức hoạt động của nhà trường. Qua đó, đánh giá chất lượng

đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, thực hiện các chương trình hoạt động giáo dục và công tác quản lý tài chính, cơ sở vật chất, sự phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh. Kết quả giáo dục học sinh là tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan nhất về chất lượng giáo dục của nhà trường.

Đối chiếu với kết quả của các hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua với bộ tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Trường Trung học cơ sở Đỗ Văn Dậy tự đánh giá mức chất lượng giáo dục mà trường đạt được như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 28/28 tỉ lệ: 100%.
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 0/28 tỉ lệ: 0%.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 20/28 tỉ lệ: 71,4%.
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 08/28 tỉ lệ: 28,6%.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 01/20 tỉ lệ: 05%.
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 19/20 tỉ lệ: 95%.
- Mức đánh giá của Trường Trung học cơ sở Đỗ Văn Dậy: Mức 1;
- Trường Trung học cơ sở Đỗ Văn Dậy đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của Trường Trung học cơ sở Đỗ Văn Dậy về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường phổ thông. Nhà trường kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy, chính quyền địa phương, các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng đạt chất lượng và hoàn thiện hơn./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Thảo

PHẦN IV. PHỤ LỤC
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường	2016-2020 2021-2025	Hiệu trưởng	Văn thư
	2	[H1-1.1-02]	Nghị Quyết Đại Hội Đảng Bộ xã Tân Hiệp	2016 - 2020 2020 - 2025	Ban chấp hành Đảng bộ xã Tân Hiệp	Chi bộ
	3	[H1-1.1-03]	Hình ảnh niêm yết công khai Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	2016	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	4	[H1-1.1-04]	Biên bản họp Hội đồng trường	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018	Chủ tịch Hội đồng trường	Thư ký Hội đồng trường

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2018 – 2019 2019 - 2020		
		[H1-1.1-05]	Kế hoạch năm học	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định công nhận Hội đồng trường	2016 - 2020	Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	Văn thư
	2	[H1-1.2-02]	Hội đồng tuyển sinh	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.2	3	[H1-1.2-03]	Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	4	[H1-1.2-04]	Hội đồng xét Tốt nghiệp THCS	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	5	[H1-1.2-05]	Hội đồng coi thi chấm thi	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	6	[H1-1.2-06]	Hội đồng coi thi chấm thi kiểm tra lại	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Công đoàn	Chủ tịch Công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Chi đoàn	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Chi đoàn	Bí thư Chi đoàn

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ Liên đội	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ Chi hội Khuyến học	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ Chi Hội chữ thập đỏ	2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Nhân viên Y tế
	4	[H1-1.3-06]	Hồ sơ chi bộ	2015 - 2016 2016 - 2017	Chi bộ	Thư ký Chi bộ

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020		
	5	[H1-1.3-07]	Hình ảnh tham gia phong trào của học sinh, giáo viên.	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Chi đoàn	Bí thư Chi đoàn
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 – 2018 2019 - 2020	Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn	Nhân viên kế toán
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó và thành lập tổ chuyên môn, tổ văn	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			phòng.	2018 – 2019 2019 - 2020		
	3	[H1-1.4-03]	Kế hoạch tổ chuyên môn	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Tổ trưởng	Phó Hiệu trưởng
	4	[H1-1.4-04]	Biên bản họp tổ chuyên môn, tổ Văn phòng	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Tổ trưởng	Phó Hiệu trưởng
	5	[H1-1.4-05]	Giấy khen của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	2017 – 2018 2019 - 2020	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Văn thư

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	6	[H1-1.4-06]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ (Kế hoạch, quyết định, biên bản, báo cáo, danh sách, phiếu dự giờ)	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng Phó Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Danh sách lớp	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Nhân viên công nghệ thông tin
	2	[H1-1.5-02]	Sổ chủ nhiệm	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng Giáo viên chủ nhiệm	Văn thư

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	3	[H1-1.5-03]	Danh sách giáo viên chủ nhiệm theo từng năm học	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Nhân viên công nghệ thông tin
	4	[H1-1.5-04]	Biên bản bầu Ban cán bộ lớp	2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Giáo viên chủ nhiệm	Văn thư
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ văn thư	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Văn thư	Văn thư
	2	[H1-1.6-02]	Sổ đầu bài	2015 - 2016 2016 - 2017	Phó Hiệu trưởng	Học vụ

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020		
	3	[H1-1.6-03]	Sổ quản lý thiết bị	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Thiết bị	Nhân viên Thiết bị
	4	[H1-1.6-04]	Sổ quản lý tài chính	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng Kế toán	Kế toán
	5	[H1-1.6-05]	Hồ sơ quản lý thư viện	2015 - 2016 2016 - 2017	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020		
	6	[H1-1.6-06]	Hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Nhân viên y tế	Nhân viên y tế
	7	[H1-1.6-07]	Hồ sơ của giáo viên (Kế hoạch giảng dạy, sổ dự giờ, sổ điểm cá nhân)	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	8	[H1-1.6-08]	Biên bản kiểm tra, báo cáo tài chính	2015 - 2016 2016 - 2017	Phòng Tài chính Kế toán	Kế toán

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020		
	9	[H1-1.6-09]	Biên bản kiểm tra nội bộ	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng Văn thư
	10	[H1-1.6-10]	Quy chế chi tiêu nội bộ	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng Kế toán	Kế toán
	11	[H1-1.6-11]	Kế hoạch sử dụng số điểm điện tử, tin nhắn	2017 - 2018 2018 – 2019	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			điện tử	2019 - 2020		
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H1-1.7-02]	Công văn, danh sách cử đi học	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H1-1.7-03]	Danh sách phân công giảng dạy	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2019 - 2020		
	4	[H1-1.7-04]	Nghị quyết Hội nghị cán bộ công chức	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng Chủ tịch Công đoàn	Chủ tịch Công đoàn
	5	[H1-1.7-05]	Thống kê kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Nhân viên Học vụ
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2019 - 2020		
	2	[H1-1.8-02]	Hồ sơ tổ chức dạy thêm, học thêm	2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ Hội nghị cán bộ công chức	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn	Chủ tịch công đoàn
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ xử lý khiếu nại, tố cáo	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H1-1.9-03]	Báo cáo thực hiện qui chế	2015 - 2016	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			dân chủ cơ sở.	2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020		
	4	[H1-1.9-04]	Biên bản giám sát của Thanh tra nhân dân, biên bản kiểm tra nội bộ.	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Ban Thanh tra nhân dân	Trưởng Ban Thanh tra nhân dân
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ phòng cháy chữa cháy	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Hồ sơ đảm bảo vệ sinh an	2015 - 2016	Nhân viên y tế	Nhân viên y tế

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			toàn thực phẩm	2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020		
	3	[H1-1.10-03]	Quy chế phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh, công an	2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	4	[H1-1.10-04]	Hồ sơ khám sức khỏe nhân viên học vụ	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Bệnh viện huyện Hóc Môn Nhân viên y tế	Nhân viên y tế
	5	[H1-1.10-05]	Hình ảnh ngoại khóa, kỹ năng sống	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018	Chi đoàn, Liên đội	Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2018 – 2019 2019 - 2020		
	6	[H1-1.10-06]	Hình ảnh sinh hoạt chuyên đề	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Chi đoàn, Liên đội	Phó Hiệu trưởng Tổng phụ trách
	7	[H1-1.10-07]	Sổ quản lý kỷ luật	2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng Giám thị	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ quy hoạch	2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Thư ký chi bộ
	2	[H2-2.1-02]	Quyết định công nhận chuẩn Hiệu trưởng, Phó	2015 - 2016 2016 - 2017	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	Kế toán

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			Hiệu trưởng	2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Học Môn	
	3	[H2-2.1-03]	Chứng chỉ bồi dưỡng Phó Hiệu trưởng, trung cấp chính trị	2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Trường cán bộ quản lý	Kế toán
	5	[H2-2.1-04]	Biên bản đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của hội đồng sư phạm	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Hợp đồng thỉnh giảng	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019	Hiệu trưởng Kế toán	Kế toán

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2019 - 2020		
	2	[H2-2.2-02]	Danh sách giáo viên đạt trên chuẩn đào tạo.	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Nhân viên công nghệ thông tin
	3	[H2-2.2-03]	Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo của từng năm.	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Nhân viên công nghệ thông tin
	4	[H2-2.2-04]	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019	Hiệu trưởng	Nhân viên công nghệ thông tin

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2019 - 2020		
	5	[H2-2.2-05]	Thống kê phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng Nhân viên công nghệ thông tin
	6	[H2-2.2-06]	Kế hoạch hướng nghiệp, dạy nghề	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Quyết định phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2019 - 2020		
	2	[H2-2.3-02]	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhân viên hàng năm	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Nhân viên công nghệ thông tin Văn thư
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Sổ đăng bộ, sổ gọi tên, ghi điểm	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng Học vụ	Học vụ
	2	[H2-2.4-02]	Hình ảnh trao học bổng, hội trại, tổng kết khen thưởng, ...	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2019 - 2020		
	3	[H2-2.4-03]	Quyết định, danh sách học sinh được khen thưởng	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hồ sơ thiết kế xây dựng của trường, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn	Kế toán
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh cổng trường, sân trường	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Sổ đăng ký sửa chữa	2018 - 2019	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2019 - 2020		trưởng
	2	[H3-3.2-02]	Sổ quản lý tài sản	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Kế toán	Kế toán
	3	[H3-3.2-03]	Biên bản kiểm tra tài sản, cơ sở vật chất của trường	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng Kế toán	Kế toán
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh các phòng hành chính quản trị	2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H3-3.3-02]	Giấy chứng nhận an toàn	2017 - 2018	Trung tâm y tế	Nhân viên y tế

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			vệ sinh thực phẩm	2018 – 2019 2019 - 2020		
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Kết quả xét nghiệm nước uống học sinh	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Trung tâm y tế	Nhân viên y tế
	2	[H3-3.4-02]	Hợp đồng nước uống giáo viên, kết quả xét nghiệm nước giáo viên	2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng Nhân viên y tế, Kế toán	Nhân viên y tế
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng thu gom rác	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng Kế toán	Kế toán

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	4	[H3-3.4-04]	Hình ảnh nhà vệ sinh	2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Sổ quản lý đồ dùng dạy học	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
	2	[H3-3.5-02]	Sổ đăng kí đồ dùng dạy học.	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
	3	[H3-3.5-03]	Thống kê danh mục thiết bị, đồ dùng	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2018 – 2019 2019 - 2020		
	4	[H3-3.5-04]	Kế hoạch sửa chữa, mua sắm	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Kế toán	Kế toán
	5	[H3-3.5-05]	Biên bản kiểm kê tài sản	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Kế toán	Kế toán
	6	[H3-3.5-06]	Hình ảnh đồ dùng dạy học	2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Kế hoạch bổ sung sách	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
	2	[H3-3.6-02]	Biên bản kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nhân viên thư viện
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Danh sách ban đại diện cha mẹ học sinh	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	Văn thư

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	2	[H4-4.1-02]	Biên bản họp ban đại diện, biên bản họp cha mẹ học sinh, báo cáo sơ kết của ban đại diện	2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	Văn thư
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hình ảnh thực hiện chuyên đề nhà trường.	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Tổng phụ trách đội.	Tổng phụ trách đội.
	2	[H4-4.2-02]	Quyết định thành lập Chi hội Khuyến học trường	2016 - 2017 2018 – 2019 2019 - 2020	Hội Khuyến học Xã Tân Hiệp	Phó Hiệu trưởng
	3	[H4-4.2-03]	Danh sách học sinh được nhận học bổng	2017 - 2018 2018 - 2019	Kế toán	Kế toán
	4	[H4-4.2-04]	Các công văn gửi chính	2017 - 2018	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			quyền địa phương	2018 – 2019 2019 - 2020		
	5	[H4-4.2-05]	Hình ảnh tham quan ngoại khóa	2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	5	[H4-4.2-06]	Kế hoạch, biên bản sinh hoạt chuyên đề.	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Nhân viên Y tế, tổ trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch kiểm tra	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	2	[H5-5.1-02]	Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng Văn thư
	3	[H5-5.1-03]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng Văn thư
	4	[H5-5.1-04]	Kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật	2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	5	[H5-5.1-05]	Kế hoạch thi học sinh giỏi	2017 - 2018 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	6	[H5-5.1-06]	Hình ảnh tham gia các hội thi.	2015 - 2016 2016 - 2017 2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Chi đoàn	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Bài thu hoạch ngoại khóa	2018 – 2019 2019 - 2020	Tổ trưởng bộ môn Lịch sử	Tổ trưởng bộ môn Lịch sử
	2	[H5-5.3-02]	Kế hoạch thao giảng tiết ngoài giờ lên lớp gắn với trải nghiệm	2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch hoạt động trải nghiệm	2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch giảng dạy kỹ	2017 - 2018	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			năng sống	2018 – 2019 2019 - 2020		trưởng
	2	[H5-5.5-02]	Kế hoạch học bơi, hợp đồng bơi lội	2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Kế toán
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Kế hoạch định hướng, phân luồng học sinh.	2017 - 2018 2018 – 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Văn thư